

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 176.500 m<sup>3</sup>/năm đến 276.500 m<sup>3</sup>/năm (đá ở thể địa chất) tại núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Phú Tài**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản số 2854/STNMT-CCBVMT ngày 14/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Phú Tài;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 176.500 m<sup>3</sup>/năm đến 276.500 m<sup>3</sup>/năm (đá ở thể địa chất) tại núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 348/CV-PT ngày 21/11/2022 của Công ty Cổ phần Phú Tài;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1092/TTr-STNMT ngày 16/12/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án Nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 176.500 m<sup>3</sup>/năm đến 276.500 m<sup>3</sup>/năm (đá ở thể địa chất) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Phú Tài (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường này thay thế Quyết định số 105/QĐ-CTUBND ngày 18/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác đá và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá lộ thiên Tân Hòa của Công ty Cổ phần Phú Tài.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Hòa;
- Công ty Cổ phần Phú Tài;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU**  
**XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG, CÔNG SUẤT TỪ 176.500 M<sup>3</sup>/NĂM ĐẾN**  
**276.500 M<sup>3</sup>/NĂM (ĐÁ Ở THỂ ĐỊA CHẤT) TẠI NÚI SƠN TRIỀU,**  
**PHƯỜNG NHƠN HÒA, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI**  
*(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            /            /2022 của UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Dự án nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, công suất từ 176.500 m<sup>3</sup>/năm đến 276.500 m<sup>3</sup>/năm (đá ở thể địa chất).

- Địa điểm thực hiện: núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Phú Tài.

- Địa chỉ liên hệ: Số 278, đường Nguyễn Thị Định, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

- Điện thoại: 0256.3847668 (Ông Lê Văn Thảo, Chức vụ: Tổng Giám đốc).

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Diện tích dự án: Tổng diện tích dự án 15 ha (trong đó: diện tích khai trường khai thác là 10 ha và diện tích sân công nghiệp 5 ha).

- Tuổi thọ mỏ: 7 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Công suất dự án:

+ Công suất khai thác: 276.500 m<sup>3</sup>/năm (đá ở thể địa chất).

+ Công suất chế biến: 355.430 m<sup>3</sup>/năm.

**1.3. Phương pháp khai thác:** Khai thác theo lớp bằng từ cos +90m với chiều cao tầng khai thác là 10m, phân tầng khai thác là 5 m, vừa khai thác vừa mở rộng diện tích khai trường, khai thác hết lớp trên mới xuống lớp dưới, từ lớp ngoài vào lớp trong, chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu 20 m, cos kết thúc khai thác +20m. Vị trí mở moong khai thác từ phía Đông Bắc cos +90 (hiện trạng) và phía Đông Nam cos +90 (mở mới).

**1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- Hạng mục công trình chính: Trạm nghiền sàng; Văn phòng, kho phụ

tùng vật tư, trạm biến áp, tuyến đường tạm trong mỏ,...

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Nhà vệ sinh (có bể tự hoại).

+ Kho chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

+ Xử lý nước thải: 01 hồ lắng phía Tây Nam dự án; 01 hồ lắng phía Tây Bắc dự án.

+ 02 bãi thải chứa đất bóc tầng phủ phục hồi môi trường (01 bãi ở phía Bắc sân công nghiệp và 01 bãi ở phía Nam sân công nghiệp).

- Các hoạt động của dự án:

+ Bóc đất tầng phủ.

+ Khai thác (sử dụng: khoan, vật liệu nổ).

+ Chế biến (nghiền, sàng).

+ Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

+ Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Bãi lưu chứa đất tầng phủ, bãi chứa đá thành phẩm có khả năng gây cản trở dòng chảy, sạt lở, sa bồi, thủy phá vùng hạ lưu.

- Hoạt động khai thác và chế biến đá gây nguy cơ sạt lở, gây sa bồi thủy phá vùng hạ lưu; phát sinh nước thải (do nước mưa cuốn theo đất, đá thải) và tiếng ồn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu có nguy cơ gây bụi, ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt (chất thải rắn và nước thải).

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị vận chuyển và khai thác gây phát sinh chất thải công nghiệp và nguy hại.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải; bụi, khí thải**

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: khoảng 04 m<sup>3</sup>/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

+ Nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, bùn thải (được tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 18.130 m<sup>3</sup>/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển sản phẩm.

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 6,5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

+ Chất thải rắn sản xuất: Đất bóc tầng phủ khoảng 10.521 m<sup>3</sup>/năm (phát sinh trong quá trình khai thác), đá bụi khoảng 20.392 m<sup>3</sup>/năm (phát sinh trong quá trình chế biến đá).

- Chất thải nguy hại phát sinh:

+ Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác, pin, ắc quy chì, khối lượng phát sinh khoảng 200,5 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải, khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác và chế biến đá, vận chuyển đá đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: không.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý theo quy định.

b) Đối với nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước: Hệ thống mương nước xung quanh khu vực dự án dẫn về hồ lắng và mương thoát nước xung quanh sân công nghiệp: mương hở, kích thước (2m×1m), dài 1.500 m và hệ thống mương thoát hai bên tuyến đường vận chuyển.

- Hồ lắng ở phía Tây Nam dự án có tọa độ VN2000, múi 3<sup>0</sup>, 108' (1531398-591537). Thể tích chứa khoảng 1.200 m<sup>3</sup> (trong đó, diện tích = 400 m<sup>2</sup>; chiều sâu = 3 m). Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố. Quy trình: Nước mưa → mương đào hở → Hồ lắng phía Tây Nam dự án → Tái sử dụng và phần còn dư thải ra suối cạn phía Tây dự án. Nước thải sau xử lý của hồ lắng phía Tây Nam đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1).

- Hồ lắng ở phía Tây Bắc dự án có tọa độ VN2000, múi 3<sup>0</sup>, 108' (1531613-591656). Thể tích chứa khoảng 17.500 m<sup>3</sup> (trong đó, diện tích = 5.833 m<sup>2</sup>, chiều sâu = 3 m). Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố.

Quy trình: Nước mưa → mương đào hở → Hồ lắng phía Tây Bắc dự án → Tái sử dụng và phần còn dư thải ra suối cạn phía Tây dự án. Nước thải sau xử lý của hồ lắng phía Tây Bắc đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 0,9$ ).

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trên tuyến đường vận chuyển: Các xe vận chuyển được che phủ bằng bạt, không để rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; phối hợp với các đơn vị khai thác trong khu vực để có kế hoạch sử dụng xe chuyên dụng tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (có đi qua khu dân cư) với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng; định kỳ cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo hoạt động gia thông trong khu vực.

- Tại khu vực khai thác và trạm xay nghiền đá: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; phun nước giảm bụi tại các khu vực dễ phát sinh bụi.

- Trồng cây xanh giảm thiểu bụi tại khu vực văn phòng và một số vị trí phù hợp trong dự án và trên tuyến đường.

### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Bố trí các thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt thông thường và phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

#### b) Chất thải rắn sản xuất thông thường

- Đất bóc tầng phủ trong quá trình khai thác để phục hồi môi trường với khối lượng còn lại  $73.510 \text{ m}^3$  đất, bố trí bãi lưu chứa ở phía Bắc sân công nghiệp ( $S = 12.300 \text{ m}^2$ ,  $H = 3 \text{ m}$ ) và bãi lưu chứa ở phía Nam sân công nghiệp ( $S = 12.300 \text{ m}^2$ ,  $H = 3 \text{ m}$ ) để phục hồi môi trường. Kết cấu bãi thải có kè chắn xung quanh và hệ thống thoát nước bãi thải.

- Đá bụi trong quá trình chế biến được lưu chứa tại bãi chứa sản phẩm ở sân công nghiệp ( $S = 3.000 \text{ m}^2$ ,  $H = 3 \text{ m}$ ), phục vụ san lấp tại chỗ và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại phía Tây khu vực mỏ, kết cấu như sau: Mặt sàn chống thấm, có mái che, có cửa (dán ký hiệu nhận biết), bên trong có trang bị các thiết bị lưu chứa (dán tên, mã chất thải nguy hại).

- Thực hiện thu gom tất cả chất thải nguy hại phát sinh tại dự án, đưa vào khu vực lưu chứa. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

### 4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ

lao động cho công nhân.

#### 4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

##### 4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Khối lượng/Đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
<b>I</b>	<b>Giai đoạn 1: Khu vực đã kết thúc khai thác (2,93 ha). Tuy nhiên, khu vực này có 0,53 ha diện tích bố trí hồ lắng thu gom nước mưa chảy tràn, do đó Công ty sẽ thực hiện phục hồi môi trường với diện tích 2,4 ha</b>			
1.1	Thu dọn đá treo trên khai trường	375 m <sup>3</sup>	Đảm bảo an toàn	Năm khai thác thứ 1 (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
1.2	Vận chuyển, san gạt mặt bằng	13.464 m <sup>3</sup>	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	
1.3	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	2,4 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
1.4	Lắp đặt cột và biển báo phản quang - Loại biển báo phản quang: Biển chữ nhật 30x50cm	2 cái	Đảm bảo an toàn	
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2: Khu vực đã kết thúc khai thác năm thứ 5 (cos+ 40 đến + 90) diện tích khoảng 1 ha</b>			
2.1	Thu dọn đá treo trên khai trường	706 m <sup>3</sup>	Đảm bảo an toàn	Kết thúc năm khai thác thứ 5 (triển khai và hoàn thành khoảng trong 30 ngày)
2.2	Vận chuyển, san gạt mặt bằng	5.933 m <sup>3</sup>	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	
2.3	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	1,0 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
2.4	Lắp đặt cột và biển báo phản quang (loại biển báo phản quang): Biển chữ nhật 30x50cm	2 cái	Đảm bảo an toàn	

III	<b>Giai đoạn 3: Khu vực khai thác 6,6 ha + Sân công nghiệp 5 ha</b>			
3.1	San lấp hồ lãng, mương thoát nước, xúc bốc và vận chuyển đất san lấp hồ lãng, mương thoát nước	22.946 m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 60 ngày kể từ thời điểm kết thúc dự án
3.2	Thu dọn đá treo trên khai trường	169 m <sup>3</sup>	Đảm bảo an toàn	
3.4	Vận chuyển, san gạt mặt bằng khu vực dự án sau khi kết thúc khai thác và trồng cây	31.160 m <sup>3</sup>	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	
3.5	Tháo dỡ kè chắn bãi thải	4,64 m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu	
3.6	Tháo dỡ công trình phụ trợ (Trụ điện, trạm xay nghiền)	1,89 m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu	
3.7	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	11,6 ha		
3.8	Lắp đặt cột và biển báo phản quang - Loại biển báo phản quang: Biển chữ nhật 30x50cm	5cái	Đảm bảo an toàn	
3.9	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình I	15 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **4.566.172.000 đồng** (Bốn tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 07 lần (Lần 1 số tiền ký quỹ là 1.141.543.000 đồng; các lần còn lại số tiền ký quỹ là: 570.771.500 đồng).

Tuy nhiên, theo Giấy xác nhận số 155/GXN-QBVMT ngày 18/5/2020 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định thì số tiền Công ty đã nộp ký quỹ cho dự án là 1.593.000.000 đồng; do vậy, số tiền ký quỹ (sau khi khấu trừ số tiền đã nộp), cụ thể như sau:

- Lần 1: 0 (đồng).



- Lần 2: 119.314.500 (đồng).
  - Các lần còn lại, số tiền: 570.771.500 đồng.
  - Thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.
  - Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
  - Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.
- 4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.
- 4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:
- Khai thác đến đâu thì bóc đất tầng phủ đến đó, đảm bảo lớp phủ thực vật để chống xói mòn.
  - Tuân thủ quy trình, phạm vi khai thác.
  - Cấm các biển cảnh báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực khai thác.
  - Khi sự cố xảy ra lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động, thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân khắc phục sự cố. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.
- 4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động dự án và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:**

- 5.1. Giám sát nước thải:
- 01 vị trí tại đầu ra hồ lắng phía Tây Nam dự án.
  - + Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng, coliform.
  - + Quy chuẩn so sánh theo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1$ ).
  - + Tần suất giám sát 03 tháng/lần.
  - 01 vị trí tại đầu ra hồ lắng phía Tây Bắc dự án.
  - + Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng, coliform.
  - + Quy chuẩn so sánh theo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 0,9$ ).
  - + Tần suất giám sát 03 tháng/lần.

### 5.2. Giám sát không khí xung quanh:

- 01 điểm tại cổng ra vào khu vực dự án.
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), độ ồn, CO, SO<sub>2</sub>;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát thường xuyên vào mùa mưa sự cố sa bồi ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu, suối cạn phía Tây dự án; chất thải rắn khác theo đúng quy định.